

Thực đơn món Á

Asian dishes

STRAWY RESTAURANT



Khai vị/ Starters

01. Mực một nắng nướng (kg) <i>Grilled half dried calamary</i>	970.000
02. Khai vị Làng Tre <i>Bamboo Village appetizer</i>	315.000
03. Chả giò Việt Nam <i>Deep-fried Vietnamese springrolls</i>	127.000
04. Chả giò Làng Tre <i>Bamboo Village springrolls</i>	147.000
05. Hải sản chiên giòn sốt xì muối <i>Deep-fried seafood with plum sauce</i>	243.000
06. Sò điệp nướng mỡ hành <i>Grilled scallop w. spring onion in fat</i>	147.000
07. Vẹm nướng phô mai <i>Grilled mussel w. cheese</i>	147.000
08. Cơm cháy Làng Tre <i>Bamboo Village deep-fried rice</i>	209.000

Xà lách/ Salad

01. Gỏi cá Phan Thiết <i>Phan Thiet fish salad</i>	193.000
02. Gỏi ngó sen tôm thịt <i>Lotus root salad</i>	154.000
03. Xà lách dầu giấm <i>Mixed green salad w. vinaigrette</i>	77.000
04. Gỏi cuốn <i>Fresh springrolls</i>	127.000
05. Rau mầm trộn thịt bò <i>Sprouts & beef salad</i>	157.000

Súp - Lẩu/ Soup - Hot pot

Nhỏ (Small) / Lớn (Big)

01. Súp măng tây cua <i>Asparagus & crab meat soup</i>	76.000
02. Súp tôm Thái <i>Tom Yam Kung</i>	127.000
03. Cháo hải sản <i>Seafood porridge</i>	127.000
04. Cháo tôm <i>Prawn porridge</i>	127.000
05. Cháo cá <i>Fish porridge</i>	85.000 / 127.000
06. Cháo thịt bò <i>Beef porridge</i>	85.000 / 127.000
07. Cháo thịt heo <i>Pork porridge</i>	59.000 / 87.000
08. Phở hải sản <i>Seafood "Pho"</i>	215.000
09. Phở gà <i>Chicken "Pho"</i>	116.000
10. Phở bò <i>Beef "Pho"</i>	158.000

Nhỏ (Small) / Lớn (Big)

11. Canh chua cá <i>Sweet & sour fish soup</i>	147.000 / 215.000
12. Canh chua tôm <i>Sweet & sour prawn soup</i>	147.000 / 215.000
13. Canh cải nấu tôm <i>Prawn & mustard cabbage soup</i>	147.000 / 215.000
14. Canh cải thịt băm <i>Pork & mustard cabbage soup</i>	79.000 / 117.000
15. Canh khoai mỡ nấu tôm <i>Yam soup w. prawn</i>	147.000 / 215.000
16. Canh cua đồng mồng tơi <i>Water crab & malabar spinach soup</i>	157.000
17. Cá nhúng Làng Tre <i>Bamboo Village fish deeper</i>	425.000
18. Lẩu Thả <i>Phan Thiet Special hot pot</i>	437.000 / 725.000
19. Lẩu hải sản kiểu Thái <i>Thai seafood hot pot</i>	617.000
20. Lẩu đặc biệt Làng Tre <i>Bamboo Village special hot pot</i>	767.000

Thực đơn món Á *Asian dishes*

STRAWY RESTAURANT



Món chính/ Main courses

01. Trứng chiên hành <i>Fried egg with onion</i>	42.000	11. Thịt luộc - Rau sống, bánh tráng <i>Boiled pork - Herbs & rice paper</i>	147.000
02. Trứng chiên thịt <i>Fried egg with pork</i>	63.000	12. Ba chỉ cháy cạnh <i>Fried pork side</i>	121.000
03. Trứng chiên hào <i>Fried egg with oyster</i>	97.000	13. Thịt heo kho tộ <i>Braised pork in claypot</i>	121.000
04. Cá kho tộ <i>Braised fish in claypot</i>	232.000	14. Gà xào sả ớt <i>Sauteed chicken w. chilli & lemongrass</i>	127.000
05. Cá chẽm chiên sả ớt <i>Fried seabass w. chilli & lemongrass</i>	232.000	15. Gà ram gừng <i>Fried chicken w. ginger</i>	123.000
06. Cá thu chiên sốt cà <i>Fried mackerel w. tomato sauce</i>	232.000	16. Cánh gà chiên nước mắm <i>Fried chicken wings w. fish sauce</i>	123.000
07. Tôm ram mặn <i>Fried prawn w. fish sauce</i>	237.000	17. Rau củ luộc - Kho quẹt <i>Boiled vegetable - Braised fish sauce</i>	97.000 - 48.000
08. Tôm rang me <i>Simmered prawn w. tamarind sauce</i>	237.000	18. Rau muống xào tỏi <i>Sauteed water spinach w. garlic</i>	77.000
09. mực xào chua ngọt <i>Sauteed squid w. sweet & sour sauce</i>	287.000	19. Cải thìa xào tỏi <i>Sauteed Chinese kale w. garlic</i>	77.000
10. Bò Lức Lăn/ <i>Diced beef</i> Thịt bò Úc/ <i>Australian beef</i>	422.000		

Cơm - Mỳ/ Rice - Noodle

01. Cơm trắng/ Steamed rice <i>Chén/ Bowl</i>	9.000	06. Cơm chiên cá mặn <i>Fried rice w. salted fish</i>	127.000
<i>Thố (nhỏ/ lớn)/ Jar (small/ big)</i>	36.000 / 72.000	07. Cơm chiên hải sản <i>Fried rice w. seafood</i>	143.000
02. Cơm sườn nướng Việt Nam <i>Steamed rice & grilled pork</i>	143.000	08. Mỳ xào hải sản <i>Sauteed noodle w. seafood</i>	215.000
03. Cơm đùi gà rô-ti <i>Steamed rice & roasted chicken leg</i>	127.000	09. Bún gạo xào Singapore <i>Sauteed rice vermicelli in Singaporean style</i>	196.000
04. Cơm chiên tỏi <i>Fried rice w. garlic</i>	59.000	10. Mỳ xào bò <i>Sauteed noodle w. beef</i>	196.000
05. Cơm chiên trứng <i>Fried rice w. egg</i>	69.000		



Thực đơn món Âu *Western dishes*

STRAWY RESTAURANT

Khai vị/ Starters

01. Khoai tây chiên <i>French fries</i>	68.000
02. Sò điệp nướng lò <i>Baked scallop</i>	158.000
03. Tôm chiên giòn <i>Deep-fried prawn</i>	219.000
04. Mực chiên giòn <i>Deep-fried squid</i>	219.000
05. Gà chiên giòn <i>Deep-fried chicken</i>	137.000

Súp/ Soup

01. Súp kem hải sản <i>Seafood cream soup</i>	134.000
02. Súp bí đỏ <i>Pumpkin soup</i>	87.000
03. Súp hành tây nướng lò <i>Baked onion soup</i>	87.000
04. Súp cà chua <i>Tomato cream soup</i>	87.000

Xà lách/ Salad

01. Xà lách tôm cocktail <i>Shrimp cocktail salad</i>	167.000
02. Xà lách cá ngừ <i>Tuna salad</i>	167.000
03. Xà lách Bếp trưởng <i>Chef salad</i>	167.000
04. Xà lách Caesar gà <i>Caesar salad w. chicken</i>	167.000

Món chính/ Main courses

Ăn kèm với cơm/
khoai tây chiên/ khoai tây nghiền
*All served with steamed rice/
French fries/ mashed potato*

01. Cá thu nướng sốt mù tạt <i>Grilled mackerel w. mustard sauce</i>	290.000
02. Cá thu nướng hạt óc chó <i>Grilled mackerel w. walnut</i>	290.000
02. Cá chẽm nướng lò <i>Baked seabass</i>	290.000
03. Cá chẽm sốt chanh dây <i>Seabass w. passion fruit sauce</i>	290.000
04. Sườn heo nướng kiểu Mỹ <i>Grilled pork rib in South American style</i>	243.000
05. Thăn nội bò Úc sốt tiêu <i>Australian beef w. pepper sauce</i>	505.000
06. Thăn nội bò Úc sốt tỏi <i>Australian beef w. garlic sauce</i>	505.000
07. Thăn nội bò Úc sốt nấm <i>Australian beef w. mushroom sauce</i>	505.000
08. Gà phủ nấm sốt mù tạt <i>Grilled chicken w. mushroom & mustard sauce</i>	208.000
09. Gà cuộn thịt xông khói <i>Chicken rolls w. bacon</i>	208.000



Thực đơn món Âu *Western dishes*

STRAWY RESTAURANT

Món Ý/ Italian corner

01. Mỳ Ý kem nấm <i>Spaghetti creamy mushroom</i>	171.000
02. Mỳ Ý kem trứng <i>Spaghetti carbonara</i>	252.000
03. Mỳ Ý hải sản <i>Spaghetti w. seafood</i>	187.000
04. Mỳ Ý bò cà <i>Spaghetti Bolognese</i>	187.000
05. Pizza hải sản <i>Seafood pizza</i>	253.000
06. Pizza Úc <i>Australian pizza</i>	215.000
07. Pizza xúc xích & hành tây <i>Salami & onion pizza</i>	237.000
08. Pizza sốt cà <i>Margherita pizza</i>	160.000

Món ăn nhẹ/ Snack corner

01. Burger bò <i>Beef burger</i>	187.000
02. Sandwich cá ngừ <i>Tuna sandwich</i>	140.000
03. Sandwich giảm bông, phô mai <i>Ham & cheese sandwich</i>	132.000
04. Sandwich gà <i>Chicken sandwich</i>	132.000
05. Club sandwich	132.000

Tráng miệng/ Desserts

01. Trái cây (nhỏ) <i>Fresh fruit (small)</i>	67.000
02. Trái cây (lớn) <i>Fresh fruit (big)</i>	127.000
03. Bánh flan <i>Cream caramel</i>	38.000
04. Chuối chiên mật ong <i>Fried banana w. honey</i>	38.000
05. Chuối chiên sốt cà phê <i>Fried banana with coffee sauce</i>	45.000
06. Bánh xèo chuối <i>Banana pancake</i>	38.000